

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 05-12-2024

“Tranh chấp về HNGĐ - ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Khắc Thịnh.

2. Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Bà Trần Thị Ngọc Quý- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2024/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2024/QĐXX-PT, ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số A, N, Tổ D, Khóm C, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Bà Huỳnh Thị T1 – Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Luật sư vắng mặt có gửi bài phát biểu bảo vệ nguyên đơn.

Địa chỉ: Quốc lộ H, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Hồ Duy H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số B, Đường C, Tổ A, Khóm B, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

- Người kháng cáo: Ông Hồ Duy H – Là bị đơn trong vụ án.

Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Duy H kết hôn và có đăng ký kết hôn tại U, thị xã C (nay là thành phố C) vào ngày 20/6/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp, ông H có hành vi bạo lực gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con, chưa làm tròn bổn phận của người chồng, ông H còn gây ra nợ nần dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng sống xa nhau từ năm 2005 cho đến nay. Do đó, bà Lê Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Duy H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Hồ Duy H1, sinh ngày 19/9/1990. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Duy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, thời gian xa nhau. Trong thời gian xa nhau, ông H vẫn quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù khi nóng giận ông H có hành vi bạo lực với bà T nhưng vẫn chưa đánh trúng hay gây ra thương tích gì cho bà T. Hiện nay, ông H vẫn còn tình cảm với bà T nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, ông H không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà T. Vợ chồng có 01 người con chung tên là Hồ Duy H1, sinh ngày 19/9/1990, đã trưởng thành, không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn với ông Hồ Duy H. Bà T được ly hôn với ông H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Hồ Duy H có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý ly hôn với bà T.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với án sơ thẩm đã tuyên.

- Bị đơn ông Hồ Duy H giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Ngọc T.

Ông H cho rằng thời gian ly thân giữa hai vợ chồng là từ năm 2016 chứ không phải 2005 như bà T trình bày. Dù ly thân nhưng ông vẫn cung cấp tiền nuôi vợ con, ông cũng không có bạo lực gia đình dù biết bà T ngoại tình, ông cũng có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không được bà T chấp nhận.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm: Nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Duy H, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T đối với ông Hồ Duy H được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T2 thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Duy H không đồng ý ly hôn với bà T Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Bà T và ông H có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường U, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20/6/1997 nên quan

hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc có 01 con chung sau đó phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ 2005 đến nay. Vấn đề này thì ông H cũng thừa nhận vợ chồng ly thân từ 2016 đến nay.

- Từ lúc ly thân đến nay, giữa Bà T với ông H vẫn không hòa giải để hàn gắn tình cảm gia đình được và bà T cũng đã ly thân không còn qua lại với ông H nên việc hàn gắn tình cảm vợ chồng không có kết quả.

- Ông H không đồng ý ly hôn và cho rằng thời gian ly thân dù ông không tới lui nhưng vẫn gởi tiền lo cho gia đình, ông cũng phát hiện bà T ngoại tình nhưng sau đó nhiều lần đề nghị hàn gắn tình cảm nhưng ông không có gì chứng minh cho trình bày của mình. Đồng thời, từ năm 2016 (ngày ông H xác định ly thân) đến nay bà T cũng không đồng ý tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông H.

Xét thấy, hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H nên anh phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Xét trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59, 81, 82, 116 Luật HNGĐ; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Duy H.

- Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân sơ thẩm số 48/2024/HNGĐ-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn với ông Hồ Duy H. Bà T được ly hôn với ông H.

2. Án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009706 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy bà T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm

- Về án phí phúc thẩm: Ông Hồ Duy H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0012564 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố Cao Lãnh. Ông Hồ Duy H không phải nộp thêm.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Tp. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS Tp.Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng